

QUYNH CU

NHIẾP CHÍNH
Y LAN.

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Hà-nội - 1985

Chiếp chính Ý LAM

NHA XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Chương một

Lại một mùa xuân nữa trôi qua trên đất Thờ Lỗi. Xuân đã qua và cũng qua rồi những ngày hội hè tung bùng, nhưng lòng Yến¹ chưa dứt những rung động thăm kín của tuổi mười tám. Yến đã trở về với nương dâu, trở về với việc tầm tang khó nhọc mà tâm hồn còn náo nức với những bài ca quen thuộc của ngày hội vui. Yến thường ôn lại sự tích ly kỳ của chùa Dâu để cho lòng đỡ trống trải, cô đơn.

Thời ấy — Yến nhớ lại — Bên kia sông Thiên Đức² thuộc bờ Bắc, trong chùa Linh Quang có sư Khâu Đà La lập am truyền đạo. Bên này sông ở làng Mãn Xá có gia đình Tu Định vừa sinh con gái đầu lòng đặt tên là Man Nương. Ngay từ nhỏ Man Nương đã nổi tiếng xinh đẹp, đoan trang nên ông bà Tu Định yêu quý như báu ngọc. Tu Định vốn rất phục « phép màu » của sư Khâu Đà La nên khi con gái đã lớn, ông bà cho Man Nương thụ giáo Khâu Đà La. Một lần, Khâu Đà La hành pháp trở về thấy Man Nương ngủ ở cửa phòng mới « vô ý » bước qua. Thế là Man Nương mang thai. Thấy trong người khác lạ, Man Nương lo sợ về thừa thực với cha mẹ. Ông bà Tu

1. Tên thực của Ý Lan là Lê Thị Yến, quê ở làng Thờ Lỗi, sau đổi là Siêu Loại — Thuận Thành — Hà Bắc nay thuộc Gia Lâm — Hà Nội.

2. Sông Đuống.

Định nổi giận tức tức sang tận nơi Khâu Đà La ở để trách cứ về việc làm vô đạo ấy. Khâu Đà La thanh minh rằng Man Nương có thai là do « người, trời hợp khí ». Khâu Đà La an ủi ông bà Tu Định không nên áy náy, bận tâm vì chuyện ấy. Vì thương cái thai, Man Nương chịu đựng sự dè bủ, khinh miệt của dân làng. Yến mũi lòng rơm róm nước mắt, thương cô gái nhẹ dạ, bỗng lâm vào cảnh ngang trái. Mười bốn tháng sau, đúng trưa ngày mồng tám tháng tư, Man Nương sinh con gái. Vừa ra đời, đứa trẻ được phủ đầy ánh hào quang rực rỡ. Theo lời cha, Man Nương ôm con đến chùa trao trả cho nhà sư. Khâu Đà La liền mang đứa con đến trước cây Dung thụ già, gõ vào thân cây và đọc kệ. Cây bỗng nở toác cho sư đặt đứa trẻ vào. Sau đó, cây khép lại và nở hoa. Hương hoa thơm ngào ngạt lan tỏa khắp các làng xa. Khi Man Nương tề tái trở về, Khâu Đà La cho nàng cái gậy của mình và dặn rằng: « Khi nào gặp hạn hán kéo dài, cứ lấy gậy cắm xuống đất sẽ có nước ». Ít năm sau, trời giáng tai họa gây ra nạn hạn hán kéo dài, khiến dâu, lúa cả vùng chết khô, dân làng lâm vào nạn đói khủng khiếp. Man Nương nhớ lại câu chuyện đau lòng cũ, nhớ đến lời sư Khâu Đà La dặn, đem cây gậy cắm xuống đất, thành tâm cầu trời phun nước cứu dân, cứu hoa màu. Lời cầu nguyện ấy được ứng nghiệm. Tự nhiên từ lòng đất, theo mũi gậy, nước phun lên chảy rờn rã ngày đêm, cứu cho khắp vùng khỏi nạn hạn hán. Mấy năm sau, trời như thử lòng người, lại gây trận lũ lớn. Sau nhiều ngày mưa to, gió lớn, các cánh đồng lúa, hoa màu bị ngập chìm. Nhiều nhà cửa bị đổ sập, nhiều gia đình không chỗ nương thân. Mưa bão lớn đến nỗi, cây Dung thụ già cũng bị trốc rễ, đổ xuống, bị nước cuốn đi, trôi ra sông Dâu¹. Đến địa phận chùa Dâu, cây Dung thụ xoay ngang, không trôi nữa. Dòng nước lũ bị

1. Một nhánh ủa sông Đuống xưa, này đã bị lấp.

cây Dung thụ chấn ngang, lồng lộn réo lên như thác, khiến dân chúng vô cùng khiếp sợ. Cả tổng cử những trai tráng khỏe mạnh hợp sức kéo cây, thông dòng chảy. Nhưng vô ích. Cây Dung thụ vẫn trơ ra chẳng chuyển rời, gây hãi hùng cho dân chúng. Một ngày, Man Nương ra sông tham dự cuộc đọ sức chống lũ của trai tráng. Thấy Man Nương bên bờ, bỗng cây Dung thụ rập rình như vẫy gọi, như mừng rỡ. Nhớ chuyện xưa, Man Nương ném dải yếm ra sông. Lập tức cây Dung thụ ngoan ngoãn trôi vào bờ. Dòng sông không bị vật cản, băng băng chảy đi, nhanh chóng rút nước từ các cánh đồng bị ngập úng. Hoa màu được cứu thoát. Trận lũ lụt hãi hùng qua đi. Từ đó, nhân dân lập đền thờ Man Nương và lấy ngày mừng tám tháng tư làm ngày hội chùa Dâu.

Hội chùa Dâu năm nay vua Lý Thánh Tông¹ sắp trẩy thuyền rồng về dự lễ cầu tự vì đã 40 mươi tuổi mà chưa có con trai nối dõi. Trai tráng kẻ cả ông già bà cả được điều ra sông Dâu khơi bến, tu sửa lại ngôi chùa và dựng ly cung².

Rồi đêm đêm dường như cả làng tập hát, múa chờ ngày nhà vua ngự giá. Ai cũng náo nức. Hơn ai hết, mẹ Độc — dì ghẻ của Yến — túi bụi chằm chút cho đứa con riêng. Mẹ đã cho người ra tận Thăng Long mua cho Chinh những bộ quần áo đắt tiền và cả đôi giày đẹp nhất. Mẹ cũng không quên sắm cho mẹ những bộ váy áo quý. Hai mẹ con cả ngày lúi húi ngắm vuốt và hồi hộp chờ đợi.

Ngày dân làng Thổ Lỗi nóng lòng chờ đợi đã đến. Sau hơn một tuần trăng, đoàn thuyền của vua Lý Thánh Tông từ sông Nhị Hà vào sông Thiên Đức rẽ sang sông



1. Lý Thánh Tông làm vua từ 1054 đến năm 1072.

2. Cung xây dựng làm nơi nghỉ trên đường vua đi thăm các hạt.

Dâu đứng dịp hội Chùa. Dân chúng Thổ Lỗi và các vùng lân cận, mặc những bộ quần áo đẹp nhất, đồ ra đứng đông đặc hai bên bờ ngòi ngự cầu¹, đề đón vua. Không thấy cảnh chen lấn, xô đẩy ồn ào như mỗi khi có đông người tụ tập. Ai nấy đều hướng về những con thuyền lớn đang đứng đỉnh ngược dòng. Thuyền vua đi đến đâu, dân chúng vỗ tay hát những bài hát chúc hỷ, theo nhịp tiếng sênh lách tách của những lệnh trống² đứng điều khiển thủy thủ bơi chèo. Đoàn thuyền của vua từ từ trườn trên mặt sông như được tiếng hát của dân chúng đưa đi. Không khí càng trở nên tung bừng khi đoàn thuyền rồng dừng lại ở bến đá, gần ly cung mới dựng. Chiêng trống âm âm nổi lên, át hẳn tiếng hát, khi nhà vua dẫn đầu các đại thần và lính thị vệ bước lên bến. Cảm động trước tấm tình của dân chúng, đáng lẽ vua vào ly cung nghỉ ngơi nhưng vua đôi ý đi dạo một lượt trong chùa, cố ý để dân chúng được tiếp kiến. Một cuộc bơi trải của dân chúng trong làng được tổ chức ngay trên bến sông. Tiếng reo hò, tiếng chiêng, trống rung trời chuyên đất. Dưới rừng cờ phướn người người chen vai thích cánh nét mặt hoan hỉ. Trên các ngã đường dẫn về chùa, khách thập phương vẫn kìn kìn đồ về như những dòng thác. Trong các gian nhà rạp mới dựng xung quanh chùa, nghệ nhân các làng kết nghĩa với nhau, chén nước đưa mời, miếng trầu trao tay sửa soạn vào cuộc thi hát để chọn người tốt giọng kể sự tích chùa Dâu đêm ấy. Những ai từng nghe danh Yến chợt sững sờ vì không thấy người con gái tài sắc ấy. Đội hát Thổ Lỗi cử người đi tìm Yến.

Vua Lý Thánh Tông cũng giống như các vua Lý đời trước, tuy đóng đô ở Thăng Long, nhưng tình cảm thương

1. Ngòi nước cho thuyền rồng vua đi.

2. Người cầm lệnh chỉ huy chèo thuyền cho đều và nhịp nhàng.

gắn bó với đồng ruộng và thương dân. Vì vậy, đến mùa xuân vua thường về phủ Thiên Đức¹ xem hội hè, lễ Phật, xem cấy lúa, đánh cá; mùa hè thì xem gặt hái nghỉ mát và tu dưỡng.

Chuyện xưa kể về vua Lý Thánh Tông rằng: Một đêm hoàng hậu Mai Thị mơ thấy mặt trăng vào bụng, nhân đấy có mang. Ngày 25 tháng 2 năm Thuận Thiên thứ 14 (1023) hoàng hậu sinh vua ở cung Long Đức. 5 năm sau, Thánh Tông được lập làm thái tử. Lớn lên, Thánh Tông thông kinh truyện, sành âm luật, sở trường về võ lược, tỏ ra là một người thông minh xuất chúng. Trước khi lên làm vua, Thánh Tông ở cung Long Đức 27 năm. Cung xây ở ngoại thành, nên ở đấy, vua dễ dàng thấu hiểu các việc trong dân gian, biết được nỗi đau khổ, vất vả của dân. Hơn thế, hiểu được các ân tình trong thiên hạ. Bởi vậy, khi làm vua, Lý Thánh Tông thông cảm được lòng dân, hiểu được cảnh đói rét, nỗi oan uổng, sự bất công ở các miền thôn dã. Chính vì vậy, vị vua có đầu óc tự cường, tự lập, người đã đặt quốc hiệu là Đại Việt, có hoài bão xây dựng một quốc gia hùng mạnh, có danh ngang với «nước Thiên Tử», ấy cũng là vị vua tự coi mình là cha mẹ dân và hết lòng thương dân. Một lần ngự ở điện Thiên Khánh để xử kiện, nhà vua đã tỏ rõ lòng thương dân của mình. Khi xử kiện, con gái vua là công chúa Đông Tiên đứng hầu ở bên cạnh. Phạm nhân là một chàng trai trẻ, chàng phạm tội chỉ vì không hiểu luật. Nhà vua gọi chúa ngục lại, chỉ vào con gái mình mà nói rằng:

— Ta yêu con ta cũng như các bậc cha mẹ trong thiên hạ yêu con cái họ. Trẫm họ không biết nên tự phạm vào luật pháp, ta rất thương xót. Từ nay, các tội bất kỳ nặng nhẹ cần răn dạy kỹ lưỡng và nhất nhất đều phải khoan giảm. Và nhà vua đã tha bổng cho người con trai họ.

1. Nay là vùng Từ Sơn.

Lần khác, gặp ngày trời rất lạnh, nghĩ đến dân, vua chạnh lòng nói với tả hữu :

— Ta ở trong thâm cung sưởi lò than, mặc áo hồ cừu, mà khí lạnh còn thế này huống hồ những kẻ bị giam trong ngục thất, xiềng xích khổ đau, ngay gian chưa định, bụng không cơm no, thân không áo ấm, một khi gặp cơn gió lạnh thôi há chẳng bị chết rét ư? Ta rất đổi thương xót.

Nói rồi vua sai tả hữu đem chăn chiên trong kho ban cho tù nhân và mỗi ngày phải cho tù nhân ăn hai bữa cơm. Và vua xuống chiếu miễn cho cả nước một nửa số tiền thuế năm đó.

Ngoài việc thực hiện nền chính trị nhân đạo thân dân ấy vua Lý Thánh Tông còn là người rất mê đạo Phật. Vua đã cho xây rất nhiều chùa chiền và là người sáng lập ra phái Phật giáo Thảo Đường¹, đem vào Phật giáo một khuynh hướng mới. Khác với các triều đại trước, Lý Thánh Tông đem đạo vào đời, mà cuộc đời ấy theo nhà vua, phải lấy việc phụng sự dân tộc, lấy sự đồng tâm nhất trí làm mục đích để tập trung vào hành động thiết thực,

1. Thảo Đường là tên một nhà sư học đạo ở Chiêm Thành. Vốn không thỏa mãn với hai phái thiền học cũ: Phái Ti-ni Đa-lưu-chi và phái Vô ngôn thông, lại thấy Thảo Đường đem vào Phật giáo một khuynh hướng mới, vua Lý Thánh Tông đưa Thảo Đường về Thăng Long. Thảo Đường sửa chữa tập ngữ lục của một vị Tăng lục Việt Nam tại triều, lập ra một môn học mới. Lý luận của Thảo Đường thỏa mãn sự đòi hỏi của vua Lý Thánh Tông muốn phát triển ý thức dân tộc, muốn độc lập, tự cường, chống sự xâm lược của Bắc Tống. Lý luận của Thảo Đường, một phái mới, hợp hòa với Không học, tạo nên sự đồng nhất theo một quan điểm chung mà xã hội thời Tống tìm thấy con đường của thiền học Việt Nam, thống nhất ý chí và hành động của giới tu hành, thứ dân nhằm xây dựng một nước Đại Việt hùng mạnh.

Thảo Đường vì vậy được vua tôn làm Quốc sư và Tỳ sư của phái thiền học mới.

cứu thế bằng đức tin. Vua đã tìm thấy trong Phật học Thảo Đường triết lý sinh thành dưỡng dục theo nghĩa dài lâu, nối tiếp, là phương tiện dạy cho dân hiểu mình là ai, lấy ý chí tự cường để thắng số mệnh, phụng sự cho sự phồn vinh bền vững của quốc gia. Theo vua, Phật không có phương Nam, phương Bắc, người ta không phải khổ cần tìm ở đâu xa, mà chính ở ngay tâm mình, ở đức tin của mình¹. Chính tinh thần ấy đã làm cho Phật giáo thời Lý Thánh Tông phù hợp với hoài bão xây dựng một nước Đại Việt cường thịnh sánh với Tống triều. Cũng do vậy /dẫn chúng Đại Việt sớm thấy nguồn cảm hứng vừa sâu rộng vừa cao siêu của mình ở tinh yêu hiện thực và đại đồng Phật giáo, ở lòng từ bi bác ái cứu khổ cứu nạn, cứu vớt chúng sinh. Nhân dân đến với đạo, không phải vì chán ngán cuộc đời mà vì muốn sống cuộc đời cao cả, là đời sống tâm linh. Những nhà tu thời Lý không phải là những người chán đời đi ở ẩn mà là những người xuất thế để nhập thế, những người có học vấn muốn giúp đời và giúp người. Vì vậy ở đời Lý, người tu hành xuất hiện khắp nơi. Chùa và đình thất mọc lên khắp trong nước. Kiến trúc chùa chiền thời ấy rất giản dị, dịu mát ẩn dưới bóng đa linh thiêng và tôn kính.

Nhìn những ngôi chùa giản dị ấy, người ta có cảm giác như những chiếc áo nâu non của các cô gái ngoại vi thành Thăng Long.

1. Quan điểm này được tóm tắt thành thơ :

“Chân như đạo Phật rất màu
 Tâm trung chữ hiếu, niệm đầu chữ nhân
 Hiếu là đức độ dâng thân
 Nhân là cứu vớt trăm luân muôn loài
 Linh thiêng ngàn mắt, ngàn tay
 Cũng trong một đềm linh đài mà ra
 Xem xong biển nước Nam ta
 Phở môn có đức Phật bà Quan Âm
 Niệm ngài thì niệm ở tâm...”

Về chùa Dâu lần này, ngoài việc cầu tự, nhà vua còn đem theo một số đại thần giỏi giang nhất triều, trong đó có thái sư Lý Đạo Thành¹, quan thiếu bảo Lý Thường Kiệt để nghe ngóng dân tình, xem đức rộng của vua có thấm nhuần trong muôn dân không? Trước nghi lễ đón rước đầm ấm mà cung kính của dân chúng, lấy cái vui của ngày Hội chùa, nhà vua cảm thấy lòng thư thái.

Sáng ấy, sau khi vào đàn cúng, cầu mong sinh được hoàng tử nối dõi theo nghi lễ trang trọng nhất của Phật giáo, Lý Thánh Tông đã cùng quần thần đi giữa biển người đến khu vực dành riêng cho mình xem cuộc rước Phật. Vua đảo mắt nhìn dân chúng đông đặc hai bên đường chờ xem các làng rước ba bà Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện về chùa Dâu để hội với chị cả là Phật mẫu Man Nương. Đám đông dân chúng bỗng chỉ trở nghiêng ngó. Vua đưa mắt nhìn về hướng ấy. Từ xa, vua đã nhìn thấy đám rước Phật dày đặc cờ biên, bát bửu, tàn vàng rùng rình chuyển động theo nhịp chiêng trống. Khi đám rước đến gần, vua nhìn rõ sau dãy cờ biên là đoàn người cả nam lẫn nữ mặc áo trắng dài, phủ ngoài là áo cộc tay nẹp đỏ, mang gậy, đang uốn mình theo một vũ khúc nhanh mạnh.

Vua hỏi Lý Đạo Thành đứng sau :

— Tích này nghĩa là gì, quan thái sư.

Lý Đạo Thành vội thưa :

— Tâu bệ hạ ! Đây là đoàn 32 người múa gậy nhằm dẹp lối, vì hội tám Phật năm nào cũng đông.

Đoàn múa gậy đi qua, viên thủ hiệp xuất hiện, mặc áo mớ ba, oai phong凛冽, đang chỉ huy mấy trăm nam nữ cũng ăn mặc đồng phục vừa đi vừa nhảy múa thật đẹp

1. Ngang tề tướng đời sau, Lý Đạo Thành quê ở Đông Ngàn, Hà Bắc ngày nay.

mất. Đoàn rước tiếp tục đi qua. Nhưng vua Lý Thánh Tông không còn chăm chú xem như trước, vì nhà vua chợt nhớ tới một việc khác.

Hồi sáng, trước khi rời ly cung đi cúng Phật, viên nội giám tin cần đã làm lễ triều kiến kê lại buổi hát về sự tích chùa Dâu mà viên quan ấy đã được xem. Viên nội giám đặc biệt nhắc đến một cô gái có sắc đẹp tuyệt vời, hoàng hậu Thượng Dương¹ cũng khó sánh, đã được chọn vào đội hát. Viên nội giám có ý khuyên nhà vua nên chọn tuyển người con gái ấy vào cung. Nhà vua chưa có ý định ấy nhưng cũng muốn được trông thấy nàng. Vì vậy, viên nội giám được phái đi tìm kiếm và lúc này đã trở lại. Lách qua đám thị vệ, viên quan đến trước mặt vua, nói nhỏ:

— Tâu bệ hạ! Thần đã đi khắp hội vui mà vẫn không tìm thấy cô gái ấy. Xin bệ hạ nán chờ hội thi hát đêm nay, chắc sẽ gặp.

Vua mỉm cười, mặt ánh lên nét rạng rỡ:

— Chỉ vì việc nhỏ ấy mà khanh phải vất vả, trăm miễn cho khanh.

Lúc ấy, đám rước cũng đã vào chùa. Nhà vua ngờ ý muốn được đi xem phong cảnh trong vùng. Vốn chuộng võ nghệ lại là người giản dị, vua thân đi bộ cùng các quan văn võ ngược bờ sông Dâu. Vua cho phép dân chúng không phải nghênh đón. Dọc đường đi, mọi người vẫn vừa tung hô vừa ca hát. Ra khỏi địa phận chùa Dâu, vua đột ngột dừng lại phóng tầm mắt say ngắm những đồi dâu xanh ngắt, trải rộng đến tận chân trời. Dưới nắng sớm vàng óng, ngàn dâu như được dát một lớp vàng mỏng. Quan quân và dân chúng cùng dừng lại. Cũng như vua, họ xuýt xoa trước vẻ đẹp thần tiên của thiên nhiên.

1. Vợ vua Lý Thánh Tông.

Chợt vua vẫy quan thái sư lại gần rồi vừa chỉ vào
nương dậu trước mặt vừa nói :

— Hình như có người đang hái dâu phải không ?

Hàng ngàn cặp mắt nhìn theo hướng vua chỉ. Dân chúng
đã nhận ra cô gái hái dâu quen thuộc. Cô ngừng bứt dâu,
đứng dựa vào gốc cây lan ngắm nhìn nhà vua và đoàn
người. Thái sư Lý Đạo Thành tâu vua :

— Muôn tâu bệ hạ, đúng là trên ấy có người đang hái
dâu, lại là con gái. Thần nhìn thấy rất rõ.

Là người nặng lòng thương dân lại thích xem xét mọi
àn tình trong dân, vua nói, giọng rầu rầu :

— Trẫm đoán chắc phải là con nhà bần hàn nên trong
lúc cả làng đi tụ tập dự hội, riêng người con gái đó phải
lam lũ hái dâu. Trẫm muốn biết tường tận về người con
gái khốn khổ ấy và sẵn lòng giúp đỡ.

Lệnh vua chưa được thi hành bỗng có một người đàn
bà đứng tuổi ăn mặc đồm dáng dật theo cô con gái tuổi
chừng đôi tám, ăn vận cực kỳ sang trọng, lách đám đông
tiến đến trước mặt vua sụp lạy :

— Muôn tâu bệ hạ — Giọng mũi như có điều gì oan ức
— Đưa con gái hái dâu hèn mọn ấy là chị con bé tốt nết
đang quý cạnh thần thiếp, ngay trước mặt rồng. Thần
thiếp thương hai đứa con như nhau nhưng tính nết chúng
khác nhau. Con bé này — mũi chỉ vào cô gái đang quý —
tên là Chinh ngoan ngoan, hiếu thảo, công, dung, ngôn,
hạnh đủ cả. Còn con bé kia tên là Yến, cứng đầu, cứng
cổ. Sáng nay thần thiếp răn bảo nó đi đón bệ hạ nhưng
nó một mực cưỡng lời. Xem vậy, bệ hạ việc chi phải nhọc
lòng đề mắt đến nó.

Người đàn bà đó chính là mẹ Độc. Vua cho hai mẹ con
mẹ đứng dậy rồi yên lặng quan sát họ. Chinh làm bộ e
lệ vê áo, nép sát vào người mẹ nhưng đôi mắt đảo đưa,
cánh mũi sư tử phập phồng. Ngược lại, mẹ Độc hau háu
nhìn vua, mắt sáng lên, mặt mày rạng rỡ. Từ sáng qua

đến giờ暮 không bỏ lỡ một cơ hội nào để theo sát vua không ngờ lại có dịp may đến thế. Mụ rình đón từng cử chỉ của vua và lúng túng chưa biết tâu tiếp thế nào để làm đẹp lòng vua. Bỗng mụ đã nghe thấy vua truyền:

— Ta lấy làm lạ về lời tâu của mụ. Hai mẹ con mụ ăn mặc sang trọng, còn người con gái kia là con mụ sao lại chịu cảnh nhọc nhằn.

— Muôn tâu bệ hạ — Mụ liến láu. Bệ hạ nhìn người xét việc nhanh như thần. Thực quả con bé hái dâu mà thần thiếp rất đổi cảm thương ấy không phải là con thần thiếp rút ruột đẻ ra. Nhưng bệ hạ đèn trời soi xét, từ khi mẹ nó mất đi, thần thiếp còn thương nó hơn cả con đẻ. Lắm lúc con bé đẹp người tốt nết này — Mụ cố ý hướng vua chú ý đến con mình — cũng phải ca thán thần thiếp không công bằng.

Vua nổi nóng:

— Hai mẹ con mụ hãy lui ra để ta xem xét. Can chi phải lảm lời.

Lập tức vua ra lệnh vời Yến xuống. Tuân lệnh vua, viên quan nội giám vội vã ra đi. Dân chúng há hê nhìn mẹ con Chinh lúc này mặt tái xanh tái xám vì thất vọng và sợ hãi. Rồi ai nấy đều hướng lên ngườ. Từ xa họ đã nhìn thấy Yến vừa theo viên quan nội giám vừa lúng túng lấy dây rừng buộc túm miếng áo rách bên sườn. Tiếng ai đẩy nổi lên trong đám đông:

— Khốn khổ con bé, áo chỉ có một manh lại rách rưới, ra mắt vua sao tiện. Có ai chạy tắt đường cho nó mượn chiếc áo lành được không?

Không ai đáp lại, bởi vì Yến đã xuống đến chân nườ. Dân chúng hết nhìn vua lại nhìn Yến, hồi hộp chờ đợi, có phần lo thay cho Yến. Nhưng Yến đã đến. Cô gái đi chậm lại, mặt bừng đỏ, ngớ ngàng nhìn đám đông, nhưng vẫn giữ được nét khoan thai, duyên dáng. Chiếc áo nâu

rách, bạc màu hở cả vai, phải buộc rúm ở sườn không làm Yển xấu đi, ngược lại càng làm tôn lên nét dịu dàng trẻ trung, xinh đẹp.

Trước chỗ đông người, nét mặt thanh tú của Yển như được thoa một lớp phấn hồng. Đôi mắt to đen, tuyệt đẹp của Yển càng thêm long lanh sinh động.

Vừa đến trước mặt vua, Yển sụp lạy, cất giọng thanh thoát tự nhiên:

— Vâng lệnh bệ hạ được ra mắt, thần thiết xin kính chúc bệ hạ thánh thọ vô cương.

Vua Lý Thánh Tông sững sờ, xúc động, nhất là khi nghe giọng nói trong trẻo ấm áp của cô gái. Vua triu mến đỡ Yển đứng dậy, và nổi xúc động trong lòng nhà vua càng tăng thêm khi nhận ra cô gái có vẻ đẹp quyến rũ. Trong nỗi bàng khuâng, vua hỏi Yển, câu hỏi không đúng với lòng vua lúc ấy:

— Có sao dân mọn trong xóm ngoài làng đều đi dự hội, cùng vui với trăm mà người lại một mình lủi thủi đi hái dâu?

Yển vội đáp:

— Muôn tâu bệ hạ! Đi dự hội vui để được nhìn thấy mặt rồng ai không trông đợi. Nhưng ở đời mỗi người mỗi cảnh, không dễ cứ muốn mà được. Mấy ai làm được những điều mình mong ước.

Vua thoáng cười trước câu trả lời thông minh, hàm ý triết lý bóng bẩy của Yển:

— Trăm làm vua một nước, người người đều là thần dân của trăm. Trăm tuân theo cái nghiệp của tổ tông trùm cả thương sinh, xem dân muôn họ bốn biển đều là con đỏ cả. Vậy ai ngăn được khanh đi đón trăm? Ai ngăn được giáo huấn của trăm thấm nhuần đến chúng sinh?

— Làm dân thì phải thờ vua—Yển đáp— phải sẵn lòng sinh tử vì vua, vì nước. Muôn dân là con đỏ của bệ

hạ, sống trong sự thương yêu của bộ hạ và vì tình thương yêu của bộ hạ mà vào sinh ra tử. Lẽ ấy đã đành. Nhưng bộ hạ thì ở xa, gặp khi hoạn nạn dân mọn đều vẫn phải kêu : Ôi làng rồi mới ới nước đó sao ?

Nghe Yến đối đáp, vua không ngờ một cô gái mẫn tiệp như thế lại sinh ra trên mảnh đất này và cam chịu cảnh sống đọa đày. Chính sắc đẹp và sự hiểu biết của cô gái làm cho vua thực lòng cảm mến. Vua dịu dàng nhìn Yến :

— Trẫm khá khen ngươi quê mùa mà ứng biến trôi chảy như một người học rộng hiểu sâu. Lại nữa, trời phú cho ngươi có giọng nói thanh thoát âm vang như tiếng chuông.

Đón được ý nhà vua, Yến nảy ý nghịch ngợm, đọc một câu thơ vừa chợt đến :

— Muôn tâu bộ hạ !

Người thanh thì tiếng cũng thanh

Chuông kêu đánh ở góc đình cũng kêu.¹

Vua bật cười hài lòng. Dân chúng xì xào bàn tán trầm trồ khen ngợi. Các quan văn võ kinh ngạc trước tài ăn nói lưu loát của Yến. Giữa lúc ấy, viên quan nội giám tâu vua :

— Chính người con gái này đêm qua được chọn hát tích chùa Dâu.

Nghe vậy, vua sững sờ, lúng túng. Cuộc gặp gỡ giữa vua và cô gái hái dâu thật kỳ lạ. Hồi lâu, vua âu yếm hỏi Yến :

— Gia cảnh của ngươi hiện ra sao, trẫm muốn biết ?

— Muôn tâu bộ hạ ! Cha thần thiếp làm quan đường xa, mẹ thần thiếp bị cha ruồng bỏ lấy vợ lẽ, sầu não mà chết. Thần thiếp ở với dì và đứa con riêng của dì từ lúc 12 tuổi, kiếp sống không hơn súc vật.

1. Giai thoại đều chép Yến đọc câu thơ này trước nhà vua..

Vua nén tiếng kêu kinh ngạc. Chỉ bằng câu trả lời của Yến, ông vua thông minh và nặng lòng thương dân đã lường được mọi việc. Vua xoa người đưa mắt giận dữ tìm mục đích ghê của Yến. Nhưng mẹ con mẹ Độc đã lần trốn từ lúc nào rồi. Vua bảo Lý Đạo Thành :

— Vì tội tâu sảng với trẫm, quan thái sư hãy chiếu luật mà trừng trị mẹ con mẹ.

Sau một thoáng suy nghĩ Yến cung kính :

— Muôn tâu bệ hạ! Xưa nay mấy ai thương con chồng bằng con đẻ. Xem vậy, nếu thần thiếp có bị đối xử tệ bạc cũng là lẽ thường. Bệ hạ chẳng nên bận lòng vì một lẽ nhỏ nhặt, thường tình ấy.

Lại một lần nữa vua Lý Thánh Tông và các quần thần ngạc nhiên trước tấm lòng khoan dung của Yến. Từ rung cảm trước sắc đẹp mặn mà, nay nhà vua thực lòng kính trọng tài năng, đức hạnh của cô gái. Vua trầm giọng :

— Trẫm đã đi nhiều, nhưng gặp người tài sắc nét na quá là hiếm. Có lẽ trời còn dành cho trẫm người tài sắc như người đó vậy.

Yến vuốt những nạm tóc óng ả chống thẹn rồi cúi mặt e lệ.

Trước lúc truyền lệnh trở về ly cung, vua ái ngại thấy mặt Yến vẫn đỏ bừng đến tận chân tóc.

*
**

Lần giở những bộ quần áo gấm, lụa sang trọng mà quan nội giám vừa mang đến, tâm trạng Yến xốn xang khó tả. Vậy là hai ngày nữa Yến đã phải mặc những bộ quần áo đẹp để này theo vua hồi triều. Ướm thử bộ áo dát kim tuyến may rất khéo vào người, Yến xao xuyến tự hỏi : đây chỉ là giấc mơ hay sự thật? Từ thân phận cô gái lam lũ bị đẩy ải, ta sẽ làm vợ vua thực sao? Ta đâu dám

ước mơ điều ấy. Ta quen sống khổ sở, bây giờ vào triều chắc gì đã hơn? Hàng ngày ta sẽ làm gì ở đây? Ta phải cư xử với các quan, với giới hoàng tộc, nhất là với hoàng hậu, các cung phi, ngự nữ ra sao? Ta muốn đòi ta sung sướng nhưng ta đâu muốn xa nương dẫu, đòi sấn, muốn xa những kỷ niệm gắn bó đòi ta từ lúc thiếu thời ở nơi này? Trở về kinh là vợ vua, danh giá thật nhưng rồi vua có mãi mãi yêu quý ta không? Yến đã trải qua những nỗi xúc động chưa từng thấy. Nỗi xúc động bắt đầu từ sau buổi gặp gỡ nhà vua, nhất là hôm sau, quan thiếu bảo Lý Thường Kiệt cùng một số cận thần của vua thân đến nhà Yến ngỏ ý muốn kén. Yến vào cung. Vị quan võ uy phong lắm liệt, sứ giả của vua ấy, như đọc được nỗi băn khoăn của Yến đã gợi ý cho cô có thể đem theo một thị nữ để tiện bầu bạn, sai bảo. Yến thầm cảm ơn sự gợi ý tinh tế, tỏ rõ tấm lòng nhân hậu của Lý Thường Kiệt. Chính điều ấy làm cho Yến đỡ lo ít nhiều.

Nhưng kén ai bây giờ? Yến nghĩ ngay đến Lộc. Nhưng Lộc là bạn, như thế sao tiện. Cho Chinh đi theo ư? Ngay sau lúc Lý Thường Kiệt ra về, mẹ Độc đã nài nỉ Yến thương em. Lúc ấy Yến không trả lời, nhưng thâm tâm cô chỉ thấy dội lên sự khinh ghét.

— Thế nào con — Mẹ Độc đến sau Yến từ lúc nào, lên tiếng — Một giọt máu đào hơn ao nước lã. Cho em nó đi con vừa yên tâm mà thân nó cũng sướng nhờ.

Yến thấy cần phải thẳng thắn :

— Dì đừng giận. Con không làm thế được. Vì sao thì dì đã rõ.

Trông thấy xấp áo quần vua đưa đến, mẹ Độc bước tới lật tung chiếc rồi nhẹ nhàng gợi ý :

— Khơ vua thiếu gì. Con cho cái Chinh một bộ để mặc vào những ngày hội hè, chắc nó thích lắm.

Thấy Yến yên lặng, mẹ sa sầm nét mặt bỏ đi.



Yến đi chào dân làng và đội hát Thờ Lỗi trở về thì gặp Lộc cũng nhón nhác đi tìm mình. Bạn gái gặp nhau hơn hở mà chẳng vui.

— Cả làng ai cũng mừng cho đảng ấy — Lộc dẫn Yến vào một nẻo đường khuất, giọng trầm hẳn xuống — Nhưng xa đảng ấy, mình buồn lắm. Mừng cho đảng ấy nhưng mình làm sao thế này? — Lộc bật khóc thút thít.

Yến ôm lấy bạn. Cô vẫn chưa dám ngỏ ý đề Lộc đi cùng :

— Mình cũng vậy. Xa Lộc, xa làng mình nhớ lắm. Rồi ra mình gặp may mắn hay phải khổ sở? Mình thương đảng ấy bao nhiêu!

— Lúc nãy đến nhà đảng ấy mụ Độc phàn nàn về chuyện cái Chính muốn đi theo đảng ấy nhưng không được.

Yến vỗ vai Lộc :

— Đảng ấy đi với mình. Chỉ đảng ấy mới giúp mình được thôi.

— Mình tìm đảng ấy cũng đề bàn xem sao. Ra ngoài ấy chắc sẽ có nhiều việc phải làm. Chỗ bè bạn, mình giúp việc, bầu bạn càng tốt chứ sao?

Yến không kìm được niềm vui :

— Thế thì còn gì bằng. Chúng ta sẽ được sống mãi mãi bên nhau, giúp nhau mọi việc.

Đôi bạn bá vai nhau bước ra lộ, nét mặt hơn hở. Vừa tới chỗ ngoặt, cả hai người bỗng thấy một kỵ mã chạy nước kiệu phi tới.

— Hay vua truyền lệnh gì cho đảng ấy?

Yến chưa kịp trả lời thì kỵ mã bỗng dừng ngựa reo lên.

— Cô Yến!

Yến nhìn chàng trai cố giấu một niềm vui :

— Chào anh Dũng.

Chàng trai xuống ngựa cởi mở :

— Hai năm trước nghe lời cô khuyên, tôi đã về kinh học thêm. Hôm nay tôi về thăm gia đình cũng định sang thăm bên ấy.

— Anh học hành đến đâu rồi ?

Chàng trai kiêu hãnh :

— Tôi đã được đặc dụng vào bộ Lại.

— Tôi cũng sắp về kinh đô. Anh đừng sang mà không gặp.

Chàng trai thoáng buồn :

— Bao giờ cô đi. Tôi có thể là bạn đường được không ?

Yến từ chối khéo :

— Thôi anh ạ ! Đề khi khác.

— Cô ở ngoài ấy có lâu không ?

Lộc đáp thay :

— Chị tôi ở cả đời !

Chàng trai ngơ ngác hỏi lại :

— Cô bảo sao ? Tôi không hiểu.

Lộc tình nghịch :

— Rồi anh sẽ hiểu.

Thầm phục chàng trai có chí, Yến nghiêm trang :

— Rồi bạn tôi đây sẽ có dịp gặp anh nói rõ, anh đừng giận. Chúc anh vạn sự như ý.

Chàng trai đi rồi, Yến bảo Lộc :

— Người hôm trước mình nói chuyện với Lộc đấy. Anh ấy biết nghe theo lời phải thật đáng mến. Cầu chúc anh ấy làm nên sự nghiệp.

Chiều dần buông. Chia tay Lộc rồi nhưng Yến vẫn bần thần đứng lặng bên đường. Yến bồi hồi ngắm nhìn mái đình, cây đa, giếng nước, dõi theo những con đường làng từng ghi bao dấu chân kỷ niệm. Xa kia, theo lối mòn dẫn vào cửa rừng, con đường bao năm qua Yến vẫn ngày ngày hai buổi đi về, những em bé chễm chệ trên lưng trâu và một đoàn các nông phu đang hối hả cất bước. Rồi hàng ngày ta sẽ chẳng còn được nhìn thấy những khuôn mặt

rất đổi thân yêu ấy. Ta sẽ mãi mãi xa họ nhưng lòng ta nào nguôi nhớ đến họ. Yến bồi hồi nhìn về căn nhà của mình. Sau bờ tre đã thưa tiếng sẻ, khói lam chiều mờ mờ bốc cao vẽ trên nền mây những dáng núi bao la hùng vĩ. Yến nao nao nghĩ đến ngày cô phải xa tất cả để thương nhớ tất cả. Cô nhìn lại lần nữa khung cảnh quê hương như muốn để mãi mãi ghi khắc vào tim mình.

Yến thần thờ trở về nhà. Theo bước chân cô, tiếng chuông chiều êm ả ngân lên, nghe xa xôi như một nỗi nhớ.

Chương hai

Tin cô gái lam lũ ở ngoại vi Thăng Long có thân phận giống như cô Tấm trong truyện cổ được vua Lý Thánh Tông tuyển làm cung phi, đã nhanh chóng lan truyền trong đám hoàng tộc và triều đình ngay khi thuyền rồng của vua về đến kinh đô. Một đồn mười, mười đồn trăm, những chuyện kể về cô gái nghèo khổ nhưng có sắc đẹp tuyệt vời ấy, luôn luôn được thêm thắt, thêm dệt làm sôi động cả kinh thành. Ai nấy đều mong được nhìn thấy dung nhan người con gái tài sắc. Các hậu phi, cung nữ, nhất là hoàng hậu Thượng Dương đều nóng lòng muốn biết rõ. Cả kinh thành nghe tin nhà vua sẽ để Yến ở tạm cung Long Đức chờ làm lễ cưới long trọng. Trong buổi thiết triều đầu tiên sau khi đi cầu tự về, vua đã hạ lệnh cho bộ Công phải xây dựng gấp cho người cung phi trẻ một cung riêng. Gặp lại nhà vua sau bao ngày xa cách, hoàng hậu Thượng Dương vẫn hờn dỗi trách móc :

— Thiếp nghe nói bệ hạ mới kén được một con hát có nhan sắc ở lộ Bắc, chẳng biết việc đó có hay không? Bệ hạ đi cầu tự mà không một chút lòng thành, trời phạt có phù hộ cho chăng?

Vua Lý Thánh Tông cười vui vẻ:

— Ấy là hoàng hậu chưa biết nàng còn thuộc dòng cùng dân. Trước khi gặp ta, nàng không có lấy một mảnh áo lành lặn.

Vị hoàng hậu trạc 30 tuổi có nước da trắng xanh, cốt cách đoan trang, khuôn mặt trái xoan thanh tú nhưng đôi mắt hơi quá sắc ấy nguýt dài nhà vua, cướp lời:

— Thân phận thật không được như đũa thị nữ của thiếp. Vậy mà nghe nói bệ hạ còn định làm lễ cưới linh đình, thật tủi cho thiếp biết bao!

— Hoàng hậu nói vậy thật quá lời. Dầu chỗ xuất thân của nàng không được danh giá nhưng trong thiên hạ còn có người khổ cực như nàng, ấy là lỗi của ta. Huống hồ ta thực lòng cảm mến sự hiểu biết tinh tế của nàng. Nàng có thể sánh với giới văn thần bản triều. Giọng hát của nàng thì đến Phạm Thị Trân¹ tái thế cũng không bằng được...

Được nghe chính nhà vua ngợi ca người cung phi ấy, hoàng hậu Thượng Dương sầu muộn đến quên ăn mất ngủ. Hôm sau, hoàng hậu ra lệnh cho người thị nữ thân tín của mình:

— Nhà ngươi phải cho ta biết đích xác lai lịch con bé dòng dân đen hạ tiện ấy và nội nhật ba ngày nữa phải triệu được nó vào ra mắt ta. Rồi xem con bé ấy có nhớn nhợ được hay không?

— Tâu hoàng hậu - người thị nữ trẻ có nét mặt phúc hậu chậm rãi đáp - Việc trước thiếp chỉ cần cho người

1. Phạm Thị Trân (926 - 976) người đẹp, ca múa giỏi được Đinh Bộ Lĩnh phong chức Ưu bà, chuyên dạy biểu diễn nghệ thuật cho binh lính.